

- Người Lũng Vài?! - Cụ già tròn mắt nhìn tôi hỏi như khảng định.

- Vâng ạ! ...

Chỉ nói được có vậy, rồi nước mắt tôi trào ra. Tôi nấc lên, hai tay bung lấy mặt khóc hu hu. Đường như Đại đội trưởng cũng đã linh cảm được cái điều mà ông mong đợi. Ông đặt hai tay lên vai tôi nói:

- Sao lại khóc? Ngày vui sao lại khóc? Em! Em vén chân lên anh xem nào?

- Vâng! Em khóc! Em vui quá mà khóc anh ạ!

Nói rồi, tôi lưỡng lự nhìn ra xung quanh. Mọi người xúm lại đông quá. Họ không thể hiểu được tại sao Đại đội trưởng lại bảo tôi vén chân lên. Vâng! Vì ở bắp đùi tôi có một bãi cứt ruồi. Những người thân thiết như ruột thịt thì mới biết được. Ngày xưa tôi thường dẫn Đại đội trưởng đi tắm "tiên" nên ông mới biết. Tôi còn đang lưỡng lự, Đại đội trưởng sốt sắng:

- Trời ơi! Vui quá! Mừng quá! Em cứ vén quần lên đi!

- Để anh khảng định tin vui này với mọi người.

Tôi phấn khởi quá. Điểm yếu của tôi, bây giờ nó lại là vật chứng để cứu tôi. Tôi đã phải chờ đợi những phút giây như thế này quá lâu rồi. Bây giờ tôi không muốn phải chờ đợi lâu hơn nữa. Tôi từ từ vén ống quần lên. Vì là quần người Dao nên ống rất rộng - tôi kéo lên tận đùi. Đại đội

trường ngồi thụp xuống. Ông đặt bàn tay lên bãi cát ruồi kêu lên:

- Trời ơi! Đúng rồi... Em tôi đây rồi!... Người liên lạc, dẫn đường cho tôi đây rồi... Quý quá em ơi!...

Nói rồi ông ôm chặt lấy tôi. Chúng tôi cùng lặng đi và cùng khóc vì sung sướng.

Sáng hôm sau, buổi đại lễ được long trọng tổ chức tại trung tâm phố huyện. Xung quanh quảng trường Nhà Văn hoá phải có đến mấy nghìn người. Tôi phải leo lên đài trên một vạt đất cao để nhìn cho rõ. Trên lễ đài, nổi bật trên hàng ghế trung tâm là đoàn cựu chiến binh. Ngày xưa, khi về giải phóng vùng Đông Bắc họ là cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, là chiến sỹ. Bây giờ họ là thượng tướng, trung tướng, đại tá, là cán bộ cao cấp... Có người sau trận đánh ấy, họ là thương binh, bệnh binh nhưng hôm nay họ cũng đã về đây. Thân nhân liệt sỹ cũng được tìm về, đây là lần đầu tiên họ được thắp nén hương trên mộ cho người ruột thịt của mình. Khi ông Trung tướng phát biểu, cả quảng trường im phăng phắc. Ông nói:

- Thưa bà con! Chúng tôi là những chiến sỹ đã trực tiếp giải phóng vùng Đông Bắc. Sau đó theo các nẻo đường của Tổ quốc, chúng tôi lại đi đến các chiến trường... Chúng tôi để lại đồng đội của mình nằm lại nơi đây nhờ bà con chăm sóc. Nay đất nước đã thanh bình, chúng tôi mới có dịp tìm lại nhau và cùng nhau về lại "*Chiến trường xưa*" để thăm lại bà con đã che chở, đùm bọc chúng tôi trong những

ngày gian khổ; thăm lại đồng đội của mình đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Chiến tranh và năm tháng đã đi vào lịch sử, đã lùi quá xa rồi, nên chúng tôi không thể nhớ đủ tên cho những chiến sỹ đã ngã xuống mảnh đất này. Nhưng chúng tôi đã cố làm hết trách nhiệm của mình. Bằng trí nhớ của từng người, chúng tôi đã đi về Hà Tây, Hà Nội, Nam Định, Thái Bình; đến Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang... để tìm tên cho các liệt sỹ... Để đến hôm nay, tên của từng liệt sỹ đã có. Tuy không được gắn vào từng phần mộ, nhưng tất cả đã được khắc vào bia đá trên đài tưởng niệm...

Buổi chiều, tôi tìm gặp Đại đội trưởng. Ông ôm vai tôi cùng lên đài tưởng niệm, xem chứng tích xưa và để nhớ lại những kỷ niệm diễn ra trận đánh. Các cháu học sinh cấp ba đang tưới cây quanh đài tưởng niệm. Bỗng Đại đội trưởng chỉ vào tôi nói:

- Các cháu có biết ai đây không?

Dường như chưa hiểu được câu hỏi của Đại đội trưởng, các cháu chăm chăm nhìn vào Đại đội trưởng, rồi lại nhìn tôi. Tôi cũng ngỡ ngàng trước câu hỏi ấy và lúng túng. Đại đội trưởng nói tiếp:

- Đây! Chính ông già này đây, ngày xưa là cậu bé liên lạc, dẫn đường cho bộ đội Cụ Hồ đánh trận Phố Ràng đấy các cháu ạ! Các bác đánh được Pháp ở vùng này là nhờ có dân, là nhờ có những cậu bé như các cháu bây giờ...

Các cháu nhìn tôi đầy vẻ ngưỡng mộ. Tôi lúng túng và xấu hổ quá. Tôi cũng đã được nhiều người khen, nhưng

được khen trước mặt đông người như thế này thì đây là lần đầu. Tôi chẳng biết nói như thế nào về lời khen ấy. Nhưng với tôi, lời khen ấy cao quý như một tấm huân chương! Cho mãi đến hôm nay khi kể lại chuyện này, tôi vẫn đinh ninh rằng: Việc làm của tôi thật nhỏ nhoi, nhưng lời khen ấy, là một niềm vinh dự lớn lao nhất của cuộc đời tôi. Nó giúp tôi gạt bỏ nỗi ưu phiền luôn canh cánh bên lòng... Buổi tối hôm ấy, ngồi nói chuyện với Đại đội trưởng. Tôi kể cho ông nghe chuyện về Lê Hà và hỏi ông làm thế nào để tìm lại được người của Ta. Ông ngồi suy tư một lúc rồi nói:

- Ủ! Quý quá! Em thật là người có tình có nghĩa. Chính vì vậy mà em đã tìm được người của Ta rồi đấy thôi. Người của Ta chính là các anh, là em, là cán bộ Việt Minh, là những người dân có tấm lòng vàng với cách mạng ...

- Vàng! - Tôi nhìn ông nói, và chỉ nói một từ Vàng thôi. Cho mãi tới hôm nay, sau 50 năm tôi mới hiểu được câu nói của ông Nguyễn về người của Ta là như vậy đó. Tôi cầm tay ông mãi không muốn rời. Vàng, đúng là tôi đã tìm thấy người của Ta rồi! Nhìn ông, lòng tôi thanh thản quá!

\* \* \*

\*

Chuyện các cựu chiến binh về thăm lại chiến trường xưa, như một liều thuốc kích thích tinh thần, thôi thúc tôi đi tìm lại di hài đứa con mình - nó đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ ở mặt trận phía Nam. Mặc dù biết là như mò kim đáy biển, nhưng dù sao thì sự việc cũng còn là mới so với 50 năm của các liệt sỹ về giải phóng vùng Đông Bắc. Vậy mà các cựu chiến binh vẫn tìm ra tên tuổi, quê quán và người thân của họ! Đêm đêm tôi trần trọc suy nghĩ về điều này - tôi phải lần từ đâu? Đi từ đâu để đến được đích? - Nơi con tôi an nghỉ. Trong giấy báo tử cũng thấy ghi đơn vị là E, là F ... Cái E, F ấy nó rất cụ thể, nhưng rồi trong thực tế có thể nó trừu tượng vô cùng. Và cũng có thể bây giờ nó chỉ còn tồn tại trong hồ sơ lưu trữ quốc gia! Hơn nữa, do sự khốc liệt của cuộc chiến tranh mà những cái tên E, F ... đó có thể chỉ còn là cái tên chung cho nhiều thế hệ. Cũng có thể phiên hiệu đơn vị thì còn, nhưng những người trong phiên hiệu ấy không còn nữa... Lúc đầu tôi định đi tìm di hài con tôi từ tên người ký trong giấy báo tử - tôi tìm gặp ông, để từ ông lần ra đầu mối. Nhưng vì suy nghĩ trên nên tôi không đi theo con đường ấy. Tôi đi tìm đồng đội của con tôi, cũng như các cựu chiến binh đánh trận Phố Ràng đi tìm tên cho liệt sỹ - đồng đội của mình.

Tôi đến Cốc Lụ trước, vì ở Cốc Lụ ngày ấy cũng có người nhập ngũ và cùng đơn vị với con tôi. Những năm còn chiến tranh, khi chưa có giấy báo tử thì tôi đã biết được tin con đã hy sinh ở Tây Nguyên. Tin này do người nhà của bạn con tôi nhắn cho biết. Tôi đến cảm ơn gia đình và hỏi thăm tin tức cụ thể. Nhưng trong thư bạn con tôi viết về cũng chỉ ghi vắn vắn: *Con và anh Tiến ở Lũng Vài cùng đơn vị. Anh ấy đã hy sinh. Con biết nơi mai táng anh ấy.*

Nay tôi lại đến để gặp và mong rằng từ đây sẽ lần ra đầu mối. Đến nơi, nhìn lên bàn thờ thấy có treo bằng Tờ quốc ghi công, tôi ngỡ ngợ, nên không dám đi thẳng vào câu chuyện. Tôi hỏi chủ nhà:

- Vừa rồi tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm giải phóng vùng Đông Bắc, ông có về xem không?

- Có chứ! - Ông chủ nhà vui vẻ nói - nhớ lắm! Nhớ cái bộ đội Cụ Hồ lắm! Ngày ấy nó còn ở nhà mình mà. Bố mình còn giúp bộ đội cả một con trâu. Nó còn cắt cả cái tóc cho mình mà ...

- Thế ông có nhớ được ai không? - Tôi hỏi tiếp.

- Ô! - Ông chủ nhà vẫn vui vẻ nói - không nhớ được đâu mà. Ngày ấy mình còn không biết cái tiếng Kinh mà. Chỉ thích cái bộ đội Cụ Hồ thôi - nó biết làm nhiều cái việc cho mình mà. Còn nhớ người nó thế nào thì không nhớ được đâu.

- Thế hôm nọ về xem lễ kỷ niệm, nhìn thấy các ông Tướng, ông Tá ngồi trên Đoàn chủ tịch, ông có còn thích nữa không? Còn quý nó nữa không?

- Ô! Thích chứ! Vẫn còn thích nó chứ. Vẫn quý nó chứ. Quý lắm đấy! Năm mươi năm rồi, nó vẫn còn nhớ đường về thăm.

Nói rồi, ông chủ nhà rót chén rượu mời tôi. Thường thì tôi không uống rượu, nhưng hôm nay là việc hệ trọng nên tôi cầm chén rượu uống cùng chủ nhà. Thấy chủ nhà vẫn chưa nhớ ra tôi, tôi chủ động nói:

- Năm bảy hai nhận được tin nhắn của ông về thằng con tôi đã hy sinh, tôi đã đến thăm ông, vậy lá thư của cháu nhà ta hồi ấy nay có còn nữa không ạ?

Tôi không dám hỏi thằng về con ông - người đã viết lá thư này. Vì tôi sợ người có tên trên bằng Tổ quốc ghi công chính là người con của ông đã viết thư về báo tin cho tôi. Thấy tôi hỏi vậy, ông chủ nhà buồn rầu, tay chỉ lên bàn thờ:

- Nó đấy! Nó không về nữa đâu ...

Biết chủ nhà đang kìm nén xúc động của mình, tôi cũng ngồi im. Lúc sau tôi nói:

- Cháu nó cùng tuổi với con tôi. Chúng nó cùng nhập ngũ một ngày... Xin phép ông, tôi thấp cho cháu nén hương.

Chúng tôi, hai ông già ngồi nói với nhau những kỷ niệm về đứa con mình. Khi câu chuyện đã đến mức tâm tình, tôi hỏi:

- Vậy gia đình ta có biết cháu hy sinh tại đâu không?

- Không biết được đâu. Chỉ có tờ giấy này thôi.

Chủ nhà vừa nói, vừa lấy trong ngăn tủ đưa cho tôi một túi ni lông. Trong túi đựng tờ giấy báo tử và cũng ghi giống như giấy báo tử của con tôi: *Hy sinh ở mặt trận phía Nam. An táng ở nghĩa trang đơn vị.* Sợ ông đau lòng, tôi không hỏi thêm nữa. Tôi cẩn thận gấp tờ giấy báo tử bỏ vào

trong túi. Tôi cũng không dám nói với ông về ý định tôi muốn đi tìm di hài của con mình. Vì việc này khó lắm, không phải ai cũng có thể làm được; nếu để ông biết, ông sẽ so sánh và điều này càng làm cho ông đau lòng hơn. Tôi hỏi tiếp:

- Vậy ông có biết, có người nào ở gần đây đi nhập ngũ cùng các cháu, hoặc có người nào cùng đơn vị với các cháu không?

- Không biết được, nhưng có cái này.

Vừa nói, ông vừa đứng lên với chiếc khung ảnh và chỉ vào một tấm ảnh, nói tiếp:

- Đây! Trong thư nó gửi về có tấm ảnh này. Nó bảo là anh em kết nghĩa đấy. Người tên Yên Bái kia.

Tôi xin phép được giở tấm ảnh ra xem. Vì tôi nghĩ, nhất định đằng sau tấm ảnh phải có ghi điều gì chứ. Quả nhiên nhận định của tôi là đúng. Đằng sau tấm ảnh ghi tên tuổi và quê quán của người bạn. Mừng quá, tôi nói:

- Tôi về Yên Bái để hỏi thăm tin tức về con của chúng mình, ông cho tôi cầm tấm ảnh này mang theo được không?

- Được chứ! - Chủ nhà nhìn tôi cảm động nói - ông đi tìm những đứa con của chúng mình? Tôi cũng muốn thế, nhưng không làm được.

Tôi cầm tấm ảnh, trong lòng mừng thầm - vì dù sao thì tấm ảnh này đã làm loé lên trong tôi một tia hy vọng.



Theo địa chỉ trong tấm ảnh, tôi đã tìm đến được gia đình của người trong ảnh. Anh tên là Đặng Văn Nhộn, cũng là người Dao. Tôi đưa ra tấm ảnh và nói rõ ý định của tôi. Anh Nhộn cầm tấm ảnh xúc động nói:

- Cháu có lỗi với bác, cháu có lỗi với bạn bè, đồng đội nhiều quá! Chúng cháu thề sống chết có nhau... vậy mà ... cháu không thể mang bạn cháu về quê được.

Nhộn nói mà khoé mắt rung rung. Tôi cũng xúc động, nhưng có lẽ vì tôi đã quen với sự đau thương, mắt mắt rồi nên bình tĩnh nói:

- Không! Cháu không có lỗi đâu. Cháu là thương binh loại đặc biệt - đến đi lại cũng phải nhờ người khác, thì cháu làm sao làm được việc ấy?...

Không để tôi nói hết, Nhộn mếu máo nói lạc cả giọng:

- Không! Nhưng bác ơi, đấy là lời thề đồng đội! Lời thề đồng đội bác ạ! Nó thiêng liêng cao quý lắm!...

Thấy Nhộn quá xúc động, tôi trầm ngâm nói:

- Chiến tranh mà cháu!... Những người đã từng đi qua chiến tranh thì mới hiểu được điều này...

Tôi dừng lại một lúc rồi nói tiếp:

- Bác không phải là người nhà của bạn cháu trong tấm ảnh này. Người trong tấm hình này là người nhập ngũ cùng ngày với con trai bác.

Tôi kể lại cho Nhộn nghe toàn bộ đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong Nhộn hỏi:

- Vậy con trai bác tên là gì ạ?

- Nó tên là Tiên - Triệu Quý Tiên.

- Dạ! Triệu Quý Tiên ạ? Triệu Quý Tiên thì cháu được nghe tên, còn người thì cháu không được biết- Nhộn vừa nói, vừa có những biểu hiện vui trên nét mặt.

- Tại sao lại chỉ biết tên mà không biết người ? - Tôi vội hỏi.

- Dạ! Khi cháu được chuyển về cùng đơn vị thì anh Tiên đã hy sinh rồi. Nhưng anh Tiên chiến đấu rất dũng cảm, là dũng sỹ diệt Mỹ nên luôn được đơn vị nêu gương để chúng cháu học tập.

- Thế cháu có thể cho bác biết, ai ở trong đơn vị biết được sự hy sinh của thằng Tiên nhà bác không?

- Dạ!... Bác uống nước đi! Để cháu cố nhớ lại đã.

Tôi cầm chén nước uống. Nhộn nhìn lên mái nhà, mắt mở to chớp chớp. Lúc sau, Nhộn nhả nha nói tiếp:

- Dạ!... Tên người trong đơn vị thì cháu nhớ được nhiều; người biết được sự hy sinh của anh Tiên cũng nhiều; nhưng bây giờ họ ở đâu mới là quan trọng bác ạ.

Nghe Nhộn nói vậy, tôi buồn quá. Buồn đến thần thờ. Tôi thở dài, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng không vô định. Tủi thân quá, tôi thấy cay cay nơi sống mũi. Tia hy vọng trong tôi đến đây là tắt thật rồi sao? Tôi nhìn Nhộn nói:

- Cháu giúp bác cố nhớ lại xem? Nhớ lấy địa chỉ một người cũng được.

- Vâng! Cháu sẽ cố nhớ. Nhất định cháu sẽ nhớ được. Bác đừng buồn bác ạ. Cách đi của bác như vậy là đúng hướng rồi đấy ạ. Còn nếu bác đi tìm đơn vị cũ của anh Tiên, thì có thể tìm được đơn vị, nhưng không thể tìm được mộ của anh Tiên đâu ạ - Vì... vì đơn vị đôi khi chỉ còn tên mà không còn người đâu bác. Với lại chiến tranh đã đi vào lịch sử rồi; bây giờ bộ đội và nhân dân ở các địa phương vẫn đang tìm và qui tập mộ liệt sỹ về nghĩa trang, nhưng chỉ liệt sỹ nào có để lại di vật ghi tên tuổi, quê quán thì mới xác định được, còn lại đều là liệt sỹ vô danh; chỉ có đồng đội của liệt sỹ - người trực tiếp mai táng cho bạn mình thì mới nhớ mộ chỉ bác ạ.

Tôi vẫn buồn, nhưng trong lòng cảm thấy nhẹ nhõm hơn - Nhộn nói đúng ý nghĩ của tôi. Ngồi ăn cơm với gia đình Nhộn, tôi thấy đầm ấm quá. Nhộn vừa ăn, vừa kể cho tôi nghe những kỷ niệm ở chiến trường. Anh kể say sưa như tâm tình với những người đồng đội. Tôi với anh là hai người xa lạ, nhưng tình cảm lại trào dâng như tôi đã từng là đồng đội của anh. Khi rượu đã ngà ngà, Nhộn ôm mặt khóc hu hu. Tôi hơi lúng túng chưa biết nên nói câu gì cho phải, vợ Nhộn vội nói với tôi:

- Tính nhà cháu vẫn vậy đấy bác ạ - vui lên, uống vài chén rượu vào là toàn có nhớ chuyện cũ thôi. Nhà cháu lẽ ra là phải ở trại nuôi dưỡng cơ, nhưng ở đấy xa quá, cháu

xin đón về nhà. Nhà cháu là thương binh loại đặc biệt - đã cụt mất hai chân, lại bị cả sợ nã nữa bác ạ.

Vợ Nhộn đang nói chuyện với tôi, thì Nhộn đã liu diu. Anh không khóc nữa, nhưng dựa hẳn vào tôi. Vợ Nhộn thấy vậy nói:

- Bác giúp cháu, cho nhà cháu nằm xuống đây.

Vợ Nhộn vừa nói, vừa với tay lấy chiếc gối cho Nhộn nằm xuống ngay cạnh tôi. Xong việc, tôi nói với vợ Nhộn:

- Thôi cháu dọn mâm đi!

- Không sao đâu bác ạ! Ở nhà cháu, chuyện này là bình thường thôi. Nhà cháu mà không ngủ được thì mới lo. Lúc ấy vết thương ở não lại bị chấn động, khủng lên như người điên ấy bác ạ. Có hôm đang tiếp khách, anh ấy hát đố cả mâm cơm, vớ được cái gì là ném - tưởng đấy là lựu đạn; nhìn thấy ai là xông lại đánh - tưởng đấy là địch; mồm hô xung phong, lăn lê bò toài ra đất như đánh trận ấy. Cháu ngồi tiếp rượu bác thế này là không phải phép, nhưng không ngồi, sợ anh ấy dở chứng bác lại chê cười nhà cháu. Đấy bác nhìn anh ấy mà xem, tay cứ rần rạt thế kia là đang mê đấy. Khi nào vết thương ở đầu hết phạm phòng thì mới tỉnh.

Tôi nhìn theo tay của vợ Nhộn, quả thực vết thương ở đầu Nhộn phải bằng nửa bàn tay. Có lẽ bên trong không còn xương nên cứ phạm phòng như thóp trẻ con. Thấy vợ Nhộn nói chuyện bằng tiếng Kinh rất thông thạo, đáng người có vẻ già dặn hơn Nhộn; lại có một cô con gái lớn

khoảng hơn hai mươi tuổi và hai đứa trẻ dưới 10 tuổi có vẻ ngờ ngợ. Tôi lại giục:

- Thôi, cháu cứ dọn mâm đi!

Vợ Nhộn gọi cháu gái lớn vào dọn mâm, còn mình thì đi pha nước mời tôi. Vừa uống nước, vừa quan sát lại gia cảnh và từng người trong nhà, tôi thấy có cái gì đó là lạ và khác thường - con cái thì như đã nói ở trên, còn nhà cửa, vườn tược thì không phải là cảnh của một người nghèo, nhưng trong nhà lại rất sơ sài - chỉ có bàn ghế, giường tủ; cánh tủ lại không có kính và trong tủ cũng không có thứ đồ đạc gì; trên giường có một cái chài treo trên xà nhà đang đan dở; ở mấy chân giường lại thấy buộc sợi dây bằng vải, bện lại như vện thùng. Thấy vậy, tôi hỏi:

- Người Dao mình ở đây nói tiếng Kinh thạo quá cháu nhỉ? Chẳng bù cho quê bác, phụ nữ nói được tiếng Kinh ít lắm.

Vợ Nhộn nhìn tôi cười và nói:

- Ở đây cũng vậy thôi bác ạ. Còn cháu, cháu không phải là người Dao đâu. Cháu bị người Dao bỏ bùa mê thuốc lú đấy bác ạ!

Tôi tỏ vẻ không hiểu, nói:

- Làm gì có chuyện bùa mê thuốc lú? Bác là người Dao mà bác có thấy nó bao giờ đâu?...

Thấy tôi nói chuyện cởi mở, chân tình, vợ Nhộn kể lại cuộc đời của mình cho tôi nghe...

Trước đây chị làm hộ lí trong một đơn vị điều dưỡng thương binh. Chị tên là Thanh. Chồng chị là công nhân ở một xí nghiệp gần đấy. Hai người đã có với nhau một đứa con gái. Cuộc sống gia đình tuy không khấm khá, nhưng cũng gọi là tạm đủ - vì hai vợ chồng đều có lương và có sổ gạo. Trong chiến tranh chống Mỹ, trại điều dưỡng luôn luôn được tiếp nhận những thương binh nặng về chăm sóc. Thương binh có đủ cả các loại bệnh: Nào là cụt cả chân tay, nào là liệt cột sống, nào là sọ não tâm thần... Việc các chị bị thương binh đánh, chửi, hắt cơm nước vào người là chuyện thường tình. Nhưng tình thương và trách nhiệm với những người đã bị mất mát một phần xương máu ngoài mặt trận là trên hết, nên các chị xác định chịu đựng gian khổ để chăm sóc thương binh là nhiệm vụ chính trị, là mục tiêu chiến đấu của mình! Đến năm 1974, trại của chị được đón một thương binh đặc biệt - cụt hai chân và bị thương ở sọ não. Người đó chính là Nhộn, chồng chị bây giờ. Nhộn vào trại trong tình trạng bị tâm thần rất nặng - anh luôn chửi bới, đập phá, luôn nghĩ mình đang trong một trận chiến đấu ác liệt và đối diện trực tiếp với kẻ thù. Có một điều kỳ lạ là bất cứ người nào tiếp cận thì đều bị Nhộn đánh chửi, nhưng khi chị Thanh vào can ngăn thì cơn tâm thần của Nhộn dịu xuống. Đành rằng đấy trách nhiệm, nhưng giữa Thanh và Nhộn dần dần nảy nở một tình cảm đặc biệt: Nhộn không thể thiếu Thanh - vì vắng Thanh thì cơn tâm thần của Nhộn không thuốc nào chữa được; Thanh thiếu

Nhộn thì trong lòng thốn thức, như mất đi một báu vật vô hình. Chỉ có tình thương, và tình thương đó được xây đắp bởi chất keo của tình yêu thì mới có một tình cảm đặc biệt ấy. Tình cảm ấy bỗng trở thành một ma lực mà không có một sức mạnh tinh thần nào ngăn cản nổi. Mặc dù biết nếu làm như vậy thì phía trước chị sẽ là những vực sâu, dưới đó sẽ là những mỏm đá tai mèo vô cùng hiểm trở. Nhưng thứ ma lực kia như một chiếc cầu bắc qua vực sâu ấy để chị, và duy nhất một mình chị thôi có thể vượt qua. Chị báo cáo với đơn vị về thứ tình cảm đặc biệt ấy của mình; chị thuyết phục chồng mình bằng những lý lẽ chân tình, bằng tấm lòng và tình thương mộc mạc... Người chồng tốt bụng kia ôm con vào lòng, anh khóc, nhưng không phải khóc vì một sự thật phũ phàng là gia đình tan vỡ, mà khóc vì tấm lòng nhân hậu của một con người ...

Đơn vị tổ chức lễ cưới cho Thanh và Nhộn. Xong lễ cưới ấy, Thanh bỗng đưa con gái của mình cùng Nhộn trở về quê anh sinh sống. Người con gái lớn trong nhà Nhộn chính là đứa con với người chồng trước của Thanh. Cháu đã lấy chồng ở gần đây và khi gia đình bố dượng có việc thì lại về giúp. Còn hai đứa con, lúc trước tôi nói là trông ngô ngô, chúng chính là con đẻ của hai anh chị. Nhưng vì Nhộn đã bị nhiễm chất độc màu da cam, nên di chứng đã truyền sang hai đứa trẻ.

Kể xong chuyện cho tôi nghe, Nhộn vẫn còn đang ngủ, thấy tôi có vẻ sốt ruột, Thanh giải thích:

- Bác cứ yên tâm đi! Nhà cháu ngủ được như thế càng tốt bác ạ. Thiếu ngủ với anh ấy nguy hiểm lắm. Ngủ được thì chuyện cũ từ thời chăn trâu cũng nhớ được hết. Chỉ có chuyện bây giờ thì nói trước quên sau thôi.

Thấy Thanh có con mắt tinh đời, nên tôi thú thật:

- Quả thực bác có sốt ruột thật. Nhưng bác sốt ruột vì chuyện của bác chứ không phải vì cháu Nhộn. Gặp được Nhộn, bác đã hình dung ra được thằng Tiền nhà bác sống với đồng đội thế nào? Nó chiến đấu ra sao? Bác mừng lắm. Gặp được thằng Nhộn này, cũng có khác gì được gặp lại thằng Tiền nhà bác.

Thấy Nhộn vẫn ngáy đều đều, tôi hỏi sang chuyện làm ăn của gia đình:

- Thế vườn tược, nương chè, ao cá này là của nhà mình cả chứ?

- Vâng ạ! - Thanh nhìn ra vườn nói- cũng may là ông trời cho cháu có sức khoẻ. Khi về đây, chúng cháu dành ra số tiền trợ cấp ban đầu và bán đi mấy chỉ vàng cháu mang theo mua lại mảnh đất này. Lúc đầu nó là đồi hoang, chúng cháu khai phá dần mà thành.

Tôi lại thêm một lần cảm phục nữa về nghị lực của chị. Tôi muốn đánh giá nghị lực của chị bằng một thông lệ chung hiện nay. Tôi hỏi:

- Thế ở đây họ có gọi kinh tế nhà cháu là trang trại không?



- Dạ! Thấy họ cũng gọi thế. Tỉnh thoảng vẫn có nhà báo về viết bài, họ gọi cháu là chủ trang trại. Thôi, họ gọi thế nào kệ họ, cháu có biết trang trại là gì đâu ạ. Có đất, có sức, hàng làm ra bán được là cháu làm thôi.

- Thế chiếc chài treo kia là cháu đan, hay là... ? - Tôi lưỡng lự hỏi.

- Dạ! Nhà cháu đan đấy ạ. Nhà cháu khéo tay lắm. Chài của cả vùng này đều do nhà cháu đan cả đấy ạ. Có công có việc, bệnh tình của nhà cháu lại thấy đỡ!

- Nay cháu - tôi hỏi tiếp - thế chiếc dây thừng bện bằng sợi vải kia dùng để làm gì? Sao bốn chân giường đều có?

- Nhà cháu bắt phải làm thế. Lúc sắp lên cơn động kinh là nhà cháu biết và tự buộc tay, buộc người mình vào đấy. Cháu nghĩ thương quá, nhưng làm được như thế là tốt nhất. Đấy bác xem, đồ đạc nhà cháu không phải là không sắm, nhưng có thứ gì, lúc anh ấy điên lên là ném đi hết. Cửa tủ bằng kính cháu cũng phải bỏ đi, cho đỡ nguy hiểm...

Câu chuyện nói cũng phải được vài tiếng đồng hồ. Thấy Nhộn cựa mình, Thanh nói:

- Nhà cháu dậy rồi đấy. Để cháu đi lấy nước rửa mặt cho anh ấy mau tỉnh.

Nói rồi, Thanh đi lấy nước và khăn rửa mặt cho chồng. Nhộn bình thản nhìn vợ, một cái nhìn đằm thắm đầy

ngưỡng mộ. Tôi thấy hạnh phúc quá. Cái hạnh phúc ấy từ vợ chồng Nhộn truyền sang tôi. Tôi nhìn Nhộn nói:

- Bác thấy cháu ngủ ngon quá!

Lúc Thanh bê chậu nước ra ngoài, tôi nhìn Nhộn nói nhỏ:

- Quý hoá quá, ông trời đã ban cho cháu một nàng tiên! Có khác gì một cô Tấm bước ra từ quả thị?

Thấy tôi nói vậy, Nhộn phấn khởi vừa cười vừa nói:

- Vâng! Chắc là cái duyên, cái số trời ban cho chứ một thằng vừa cụt, vừa tâm thần như cháu thì làm sao mà lấy được vợ? Cô ấy cứ bảo người Dao mình có bùa mê!

Đang nói chuyện thì Thanh vào, vui vẻ nói:

- Mê mẩn cái gì cơ chứ? Chẳng qua là ông trời bắt tội cháu thôi bác ạ.

Nói với tôi xong, Thanh ra ngồi cạnh chồng nói nhỏ:

- Thế việc bác Tiên nhờ, anh đã nhớ được chưa?

Nhộn gật gật nói:

- Đưa quyển nhật ký ra đây cho anh xem.

Thanh mở tủ, lấy ra một quyển sổ bìa đỏ, nhỏ bằng bàn tay đưa cho Nhộn. Những năm sáu mươi thường tặng nhau những quyển sổ như thế, để làm kỷ niệm trước lúc tòng quân.

Nhộn lật dở từng trang ra xem cẩn thận. Lúc sau Nhộn nhìn tôi nói:

- Thế này bác ạ, khi cháu được điều về tiểu đội thì biết có hai người đã chiến đấu cùng với anh Tiên. Hai người này sống với cháu cho đến năm 1973 - lúc cháu bị thương nặng. Một anh tên là Hồng, một anh tên là Thu. Khi cháu đang ở đoàn an dưỡng thì gặp một anh cùng đơn vị cũ cũng về an dưỡng. Anh cho biết, anh Hồng đã chuyển về công tác tại một bệnh viện ở một tỉnh miền Tây Nam bộ; còn anh Thu thì đã giải ngũ và về Hải Dương. Theo cháu, chắc chắn hai anh này biết anh Tiên hy sinh như thế nào và mộ chí ở đâu. Anh Thu ở Hải Dương thì cháu không biết địa chỉ, còn anh Hồng cụ thể thì cháu không biết ở bệnh viện nào, nhưng theo cháu ở miền Tây chắc cũng chỉ có ít bệnh viện tỉnh thôi, bác cứ ghi thư gửi đến các bệnh viện ở trong ấy, nếu nhận được nhất định anh Hồng sẽ trả lời.

Nghe Nhộn nói vậy, tôi thấy mừng lung quá. Nhưng vì cũng không còn con đường nào khác, nên tôi chấp nhận làm theo cách gợi ý của Nhộn. Về nhà, tôi đi hỏi một số người thông thạo ở khu vực miền Tây Nam bộ, về những nơi có bệnh viện. Tôi viết một lúc bốn năm lá thư và gửi vào. Thư đi rồi, tôi thấp thỏm đợi chờ hồi âm. Ngày nào tôi cũng ra trụ sở Ủy ban xã để hỏi anh bưu tá. Gần hai tháng sau, khi niềm hy vọng đã tắt, tôi không ra trụ sở để hỏi nữa, thì bưu tá đến nhà đưa cho tôi một lá thư. Không còn tin vào mắt mình nữa, tôi ôm lá thư vào ngực, người chao đảo, ngã bệt xuống. Bóc thư ra xem, lời lẽ trong thư mới

thấm đượm làm sao, nó như một đàn kiến bò lan đến tận chân tơ kẽ tóc của tôi. Thư viết:

*Thưa bác Tiên Kính mến !*

*... Cháu thật sự cảm phục về tấm lòng của bác. Cháu ước mong tất cả đồng đội của cháu đều có được tấm lòng của một người cha như bác. Dù đồng đội của cháu có là những liệt sỹ vô danh thì cháu tin linh hồn họ cũng sẽ rất thanh thoát...*

*Còn về mộ chí của anh Tiên. Thực sự thì chúng cháu không được trực tiếp mai táng cho anh ấy. Xong trận đánh là chúng cháu phải rút luôn. Thi hài liệt sỹ được giao cho Chi bộ ở địa phương lo giúp. Anh Thu ở Hải Dương là người bàn giao thi hài liệt sỹ. Địa chỉ của anh Thu cháu viết ở góc dưới lá thư này. Vậy bác liên hệ với anh Thu để biết rõ thêm chi tiết. Cháu tin nhất định bác sẽ đạt được ước nguyện của mình. Đường đất xa quá, cháu rất tiếc là không thể đến thăm bác được, nhưng cháu rất cảm phục và rất tự hào vì đồng đội của chúng cháu đã có một người cha vô cùng kính trọng như bác.*

*Kính chúc bác và gia đình mạnh khỏe !*

Cháu của bác

**Nguyễn Văn Hồng**

Nhận được thư, nôn nóng quá không thể chờ lâu hơn được nữa, tôi theo địa chỉ tìm đến nhà anh Thu. Qua anh tôi được biết: Ngày ấy anh là Chính trị viên đại đội, thăng

Tiền nhà tôi là Tiểu đội trưởng. Năm 1972, hôm ấy là ngày mồng năm tết, đơn vị của anh được giao nhiệm vụ tấn công vào một chốt của địch trên đường từ Đà Lạt đi thành phố Sài Gòn. Trận chiến đấu càng ngày càng quyết liệt, khi ta tiêu diệt xong chốt của địch thì quân chi viện của chúng cũng đến. Đơn vị vừa chiến đấu, vừa rút lui và mang theo mười bảy thương binh, tử sỹ của mình. Thành Tiền nhà tôi bị thương nặng, về đến địa điểm tập kết thì tắt thở. Đơn vị bàn giao cho Chi bộ Đảng ở địa phương mười bảy thi hài liệt sỹ, có tên tuổi, quê quán và phiên hiệu đơn vị của từng người. Người nhận bàn giao là Y Ban. Nói rồi, anh ghi địa chỉ nơi bàn giao cho tôi. Anh nói: "Cháu thật sự cảm phục tấm lòng của bác. Cháu tin nhất định bác sẽ tìm được mộ của anh Tiền".

Sau khi gặp anh Thu, tôi đã biết, đã hình dung ra một phần về sự chiến đấu và hy sinh của con tôi. Tôi mang chuyện này kể với nhiều người, mong rằng qua họ mà nhận được những lời khuyên. Thấy tôi bỏ ra nhiều công sức như vậy, ai cũng dùng những lời lẽ chân tình để khuyên. Nhưng tựu trung lại cũng dồn về hai ý: Người thì bảo đã đi là phải đi đến cùng, cho trọn vẹn nghĩa tình, dù kết quả như thế nào thì lòng mình cũng thanh thản; người thì bảo con mình nằm đâu cũng là đất lành Tổ quốc... Quả thực lý lẽ của lời khuyên nào cũng thật chân tình, nhưng cuối cùng thì tôi vẫn quyết định đi đến tận cùng - nơi con tôi đã chiến đấu và hy sinh. Dù không đạt được nguyện vọng thì trong lòng cũng thanh thản. Đời tôi không làm được việc này thì cháu chất tôi sẽ không bao giờ làm được nữa.

Theo địa chỉ của Y Ban mà anh Thu đã chỉ dẫn, tôi đến Tây Nguyên - nơi mà với tôi nó luôn luôn chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng mà thôi. Tôi đã nghe đài, đọc báo, nghe những bài hát về Tây Nguyên, nhưng tôi vẫn chỉ hình dung Tây Nguyên là vùng núi như Lào Cai quê tôi. Khi đến Tây Nguyên, tôi bị choáng ngợp bởi một Tây Nguyên rộng gió, rộng ngút ngàn; rừng Tây Nguyên bằng phẳng như những cánh đồng. Nhưng tôi cũng cảm nhận được cái khác nghiệt của Tây Nguyên khi mùa khô tới, khi bộ đội lạc rừng... Dù có nhiều ấn tượng khác nhau về Tây Nguyên, nhưng cái ấn tượng lớn nhất tôi cảm nhận được đó là sự mở mang bờ cõi của ông cha ta từ thưở xa xưa... Nghĩ vậy, nên tôi càng thấm thía hơn sự hy sinh xương máu của bao thế hệ. Sự hy sinh của một con người thật nhỏ nhoi!... Đến lúc này tôi mới hiểu được ý nghĩa của câu *Hy sinh vì Tổ quốc* nó cao cả biết nhường nào. Và lúc này tôi mới hiểu, tại sao lại có người khuyên tôi: "Con mình nằm đâu cũng là đất lành Tổ quốc..." Và đến lúc này, việc mang di hài của con tôi về nơi nó đã sinh ra không còn là mục đích nữa. Ước nguyện cao nhất của tôi là đến thăm nơi con tôi đã chiến đấu và hy sinh.

Theo địa chỉ, tôi đến Phòng Thương binh - Xã hội huyện để hỏi. Đến nơi, tôi được cán bộ phòng tiếp đón rất tử tế. Thấy tôi ở ngoài Bắc vào nên họ càng trân trọng. Tôi nói rõ lý do và trình bày cụ thể những điều mình đã nắm được để mong có lời chỉ dẫn và xin được giúp đỡ. Người cán bộ Phòng Thương binh - Xã hội từ tốn nói:

- Thưa bác! Theo chỉ dẫn này thì bác đã đến đúng địa chỉ rồi đấy ạ. Nhưng bây giờ bác đi gặp được Y Ban như trong giấy này thì khó lắm. Vì vùng này rất nhiều người tên là Y Ban. Trước giải phóng ở địa chỉ này cũng có một người tên Y Ban, là huyện uỷ viên, nhưng đến năm 1974 cũng đã hy sinh rồi. Cháu rất cảm phục bác, nhưng cháu cũng xin được nói thực lòng để bác thông cảm cho chúng cháu. Cháu đã xem lại sổ sách số liệt sỹ hy sinh ở vùng này, đến nay đều đã được qui tập về nghĩa trang liệt sỹ của huyện; địa điểm mà con trai bác hy sinh cũng có ghi trong sổ lưu là có mười bảy mộ liệt sỹ và cũng được qui tập rồi. Trong sổ này, cháu bảo đảm với bác là chắc chắn đã có mộ của con trai bác. Bây giờ cháu đưa bác ra nghĩa trang, có thể ở đó tìm ra được điều gì rõ hơn không?

Người cán bộ Phòng Thương binh - Xã hội cùng tôi ra nghĩa trang. Nghĩa trang mới được xây dựng rất đẹp. Tổng cộng số mộ trong nghĩa trang là trên hai nghìn mộ. Tôi như người mộng du, đi lần sờ hết mộ này đến mộ khác. Chỉ một số bia mộ có ghi tên tuổi, địa chỉ, ngày tháng hy sinh còn đa phần là mộ liệt sỹ vô danh. Người quản trang thấy tôi cứ đi lần sờ như vậy, chị đến gần tôi nói nhỏ:

- Thưa bác, mời bác vào phòng khách. Bác cho cháu biết thông tin về người nhà của bác, cháu sẽ tra trong sổ và sơ đồ, còn tìm từng mộ thế này thì phải mất nhiều thời gian lắm bác ạ.

Vào phòng khách nhà quản trang, tôi đưa cho chị quản trang xem tờ giấy ghi những thông tin về con tôi.

Xem xong, chị mở tủ lấy ra một quyển sổ dày và giở ra xem. Tôi chăm chú nhìn theo ngón tay của chị di chuyển trên danh sách. Lúc sau, chị ngẩng lên nhìn tôi và nói:

- Đây rồi bác ạ. Năm 1972 ở địa chỉ này có mười bảy người hy sinh. Trong số này có hai người là bộ đội địa phương nên còn biết được tên tuổi; còn mười lăm người là bộ đội ngoài Bắc nên không biết được ạ.

Nghe chị nói vậy, tôi thần thờ quay đi để cố kìm nén sự xúc động. Lúc sau trấn tĩnh lại, tôi hỏi:

- Nhờ chị xem lại giúp cho, con tôi hy sinh, đơn vị của nó có bàn giao cả tên tuổi, địa chỉ và phiên hiệu đơn vị?

- Vâng! Thưa bác đúng là như vậy. Nhưng cháu xin phép bác được nói rõ hoàn cảnh cụ thể: Lúc ấy, vùng này vẫn nằm trong vòng kiểm soát của địch; người nhận bàn giao liệt sỹ là người hoạt động bí mật; tài liệu về liệt sỹ cũng phải giữ tuyệt đối bí mật; nơi chôn cất thi hài liệt sỹ cũng phải bí mật ạ. Bởi vậy những việc làm sau chiến tranh, chúng ta phải chấp nhận một thực tế - có thể người nhận bàn giao cũng đã hy sinh, và cũng có thể trong điều kiện bí mật mà tài liệu bàn giao bị thất lạc ...

Tôi buồn quá. Vừa nghe chị quản trang nói, tôi vừa nhìn ra nghĩa trang mà nước mắt ứa ra. Thấy tôi cứ đứng trân trân như vậy, anh cán bộ Phòng Thương binh - Xã hội nói:

- Thưa bác, xin bác bình tĩnh ạ! Theo cháu thì dù sao trường hợp của gia đình ta vẫn còn là may mắn...



Lúc ấy tôi không vui khi nghe anh cán bộ Phòng Thương binh - Xã hội nói vậy. Sau này nghĩ lại, tôi thấy là anh đã nói đúng. Bởi tôi đã biết được nơi con tôi đã chiến đấu và hy sinh, biết được nơi con tôi an nghỉ; còn bao nhiêu trường hợp khác họ không thể biết được gì hơn về người thân của mình ngoài giấy báo tử. Thấy tôi yên lặng, chị quản trang nói:

- Thưa bác, bây giờ cháu đưa bác ra thắp hương cho mười bảy mộ liệt sỹ.

Ra mộ, tôi cố kìm nén xúc động, cầm hương cắm đều cho mười bảy ngôi mộ. Tôi không khóc thành tiếng, nhưng trong cổ tôi khí vẫn dồn lên ừng ực. Tôi tin là con tôi nằm ở đây, nhưng biết nó ở ngôi mộ nào? Lúc tôi cầm nắm hương đốt, bỗng dung nắm hương bốc cháy đùng đùng. Thấy vậy, chị quản trang bảo:

- Con bác linh thiêng quá! Hồn anh ấy đã về đây với bác đấy bác ạ! Bác thấy ngôi mộ nào mà bác không muốn rời mắt thì đấy là mộ con bác đấy ạ!

Chị nói vậy, tôi cũng thấy yên lòng. Tôi cảm thấy như hồn con tôi đã về thật. Nhưng còn chọn ra một mộ thì thật là khó quá. Tôi đưa mắt làm theo lời chị, nhưng ngôi mộ nào cũng như nhau cả. Tôi lần sờ từng ngôi mộ, ngôi mộ nào cũng thấy âm ấm dưới bàn tay. Có lẽ đoán được điều này, chị quản trang nói:

- Thưa bác! Khi các gia đình vào đây tìm mộ, chúng cháu vẫn thường làm thế này: Bây giờ cháu đánh số từ một

đến mười lăm, cháu bỏ vào trong cái mũ này, bác chọn lấy một thăm, mở ra xem số bao nhiêu thì đấy là mộ của con bác. Chúng cháu sẽ khắc bia cho anh ấy và gắn vào mộ.

Tôi đoán đo một lúc, rồi hỏi:

- Đúng là đã có người làm như vậy chứ?

- Dạ! Nhiều lắm rồi bác ạ!

Nói rồi, chị ta xăm xăm cầm viên gạch vỡ đánh số thứ tự trên các ngôi mộ, và viết thăm bỏ vào trong mũ. Chị đưa mũ cho tôi và bảo:

- Bác khẩn đi! Khẩn tên tuổi, quê quán, ngày hy sinh... bác nói cả tên đồng đội của anh ấy, cả tên tuổi, quê quán của bác nữa...

Tôi như bị thôi miên và làm theo lời chỉ dẫn. Không hiểu sao mà tôi lại tin quá. Tôi nhặt được thăm số một và tôi đinh ninh rằng đó chính là phần mộ của con tôi. Tôi vào nhà quản trang xin được tự tay ghi tên tuổi, quê quán... của con tôi vào sơ đồ. Tôi cảm thấy lòng thanh thản quá. Tôi tự động viên mình - trên cõi đời này không có điều gì là trọn vẹn đến hoàn hảo cả. Sự trọn vẹn là do quan niệm của mỗi con người. Với tôi thế là trọn nghĩa vẹn tình; với con tôi chắc linh hồn nó cũng được siêu thoát. Tôi đã thực hiện được cả hai lời khuyên trước lúc lên đường: Đi đến tận nơi con tôi chiến đấu, hy sinh và gửi lại con tôi nơi đất lành Tổ quốc. Tên con tôi đã được khắc vào bia đá. Mỗi người khi đến thắp hương, họ sẽ cảm nhận được rằng, có một

người con dân tộc Dao tận Lào Cai đã chiến đấu và hy sinh ở vùng đất Tây Nguyên của Tổ quốc.

Xong mọi việc, tôi đến cảm ơn anh cán bộ Phòng Thương binh - Xã hội, cảm ơn chị quản trang. Tôi hỏi:

- Chị làm quản trang ở đây, vậy chị có thấy người Lào Cai vào đây viếng mộ liệt sỹ bao giờ chưa?

- Dạ! Có bác ạ, nhưng cũng ít thôi. Vì nghĩa trang này là nghĩa trang đặt ở một huyện, đường xá đi lại còn khó khăn...

Tôi hỏi tiếp:

- Thế khi viếng nghĩa trang vào dịp lễ tết, mình chỉ thấp hương chung ở đài Tổ quốc ghi công thôi chứ?

- Vâng! Bác thông cảm cho chúng cháu, vì nghĩa trang lớn quá...

Chị nói như có ý phân trần. Tôi hiểu, chị muốn nói nghĩa trang những trên hai nghìn mộ thì chỉ làm lễ và thấp hương chung ở đài Tổ quốc ghi công. Nhưng thực ý của tôi không phải là như thế. Tôi nhìn chị giải thích:

- Không! Tôi hỏi vậy là không có ý chê trách gì. Lúc này ngoài nghĩa trang tôi thấy có mấy mộ ghi tên người Lào Cai có rất nhiều chân hương. Tại sao những mộ khác không có chân hương, mà mộ ấy lại có chân hương? Do người nhà đến thấp, hay do khi viếng nhân dân ở đây đến thấp?

- Dạ! Thưa bác, bác thật là người có con mắt quan sát rất nhanh. Gần đây có một bà cụ già cỡ trên dưới bảy mươi. Nghe nói cụ gốc gác xa xưa cũng là người ngoài ấy. Họ bảo cụ có hoàn cảnh đặc biệt éo le, vì vậy mà cụ không trở về quê nữa, nhưng tình cảm thì vẫn gắn bó với quê hương. Cụ thường đến tìm mộ những người Lào Cai để thắp hương.

Nghe chị quản trang nói vậy, trong tôi như có một điều vô hình thôi thúc đến gặp bà - gặp để ngưỡng mộ tấm lòng cao quý ấy; gặp để gửi gắm bà phần mộ của con tôi. Tôi hỏi chị quản trang địa chỉ và tôi đã tìm đến được nhà bà.

Nhà bà cách nghĩa trang vài ba cây số, là một vùng nông thôn ven thị trấn. Ngôi nhà lợp tôn bán mái, kiểu nhà đặc trưng của vùng Tây Nguyên ngày nay. Xung quanh nhà có vườn cà phê và có cây ăn quả. Nhìn bề ngoài và so sánh với những nhà cạnh đó thì nhà bà có vẻ khá hơn. Vào nhà tôi thấy mấy đứa trẻ đang chơi ngoài sân, một bà già đang lau bàn ghế ở trong nhà. Tôi chào to để đánh động.

- Chào các cháu! Các cháu cho tôi hỏi đây có phải là nhà bà...

Có lẽ thấy tôi nói giọng Bắc, chưa kịp để đám trẻ trả lời, bà cụ đã quay ra. Trông bà rất phúc hậu và đẹp lão. Bà nhìn tôi vẻ hết sức ngỡ ngàng. Tôi cũng nhìn bà, xem có nhận được ra một dấu ấn gì của người miền núi ngoài Bắc không. Lúc sau bà nói:

- Ông tìm tôi?

Bà nói giọng miền Nam. Nghe giọng nói và nhìn dáng người, cách ăn mặc thì tôi không còn nhận ra một nét gì là người miền núi phía Bắc. Nhưng nhìn hàm răng đen, có một chiếc bít vàng và cách vấn tóc mai trên đầu thì tôi nhận ra ngay bà là người Dao.

Tôi đang nhìn bà thì một con chó xô đến. Theo thói quen ở nhà, tôi đuổi chó bằng tiếng Dao. Thật là bất ngờ, bà chạy lại ôm chầm lấy tôi. Bà khóc. Tôi cứ đứng vậy để cho bà ôm mà khóc. Hai người già xa lạ ôm nhau khóc... Đến lúc này, tôi đã mang máng bà là một người mà cách đây 50 năm tôi đã biết. Có thể bà chính là cô Láy, người đã hi sinh tình yêu của mình để cứu những người ruột thịt. Còn bà, chắc bà chỉ biết tôi là người cùng dân tộc với bà và từ quê bà vào đây. Mãi hồi lâu sau, khi hết cơn xúc động, bà nhìn tôi nói:

- Ông là người Mán ở Lũng Vài phải không?

- Ừ! Tôi là người Dao ở vùng Lũng Vài đây!

Tôi giải thích cho bà biết là từ ngày cách mạng thành công thì dân tộc Mán đã được gọi là dân tộc Dao. Tôi hỏi tiếp:

- Bà là Triệu Thị Láy phải không?

- Vâng! - Bà ngỡ ngàng nhìn tôi nói - tôi là Láy đây! Tên Láy chỉ có người Lũng Vài biết thôi. Vào đây, ông

Thừa bắt tôi đổi tên là Lan. Còn ông, ông tên là Tiên; là bạn của ông Tăng phải không?

Tôi thật sự ngỡ ngàng, ngỡ ngàng đến bất ngờ. Tôi gọi đúng tên bà là do tôi nhận định mà suy đoán ra, còn nhớ thì tôi không thể nhớ được một chi tiết nào về nhận dạng cả. Tôi hỏi:

- Sao bà lại nhận ra tôi?

- Nhận ra chứ!- Bà tươi cười nhìn tôi, vẻ tự tin nói - trước hết là tôi nhận ra ông là người Mán này; thứ đến là nhận ra cái lười bò liếm trên trán ông. Còn một thứ nữa tôi cũng nhận ra, ông có cam đoan với tôi không nào?

- Ủ! Bà cứ nói đi! Già cả rồi sao còn phải cam đoan?

Bà nhìn tôi cười, trên nét mặt vẫn còn vương lại một chút hóm hỉnh của tuổi trẻ, nói:

- Bắp đùi ông có bãi cứt ruồi phải không?

Tôi lại càng ngỡ ngàng hơn - ngày xưa Láy là người lạ, lại là con gái thì sao biết được? Tôi ý tứ nhìn xuống ống quần xem có sơ ý gì không? Không, không có sơ ý gì cả. Thấy vậy, Láy lại nói tiếp:

- Ông không phải xem lại mình đâu? Thế ông có biết ai đã đến chữa thuốc cho ông khỏi bệnh thương hàn, hồi ông mới bị bán đến Lũng Vài không? Bà nội tôi đấy! Cô gái mười ba tuổi đi cùng bà, ông có biết là ai không? - Là tôi đấy! Lúc ấy, ông là cậu bé chỉ có da bọc xương, bụng

ông dít vòn, nằm phủ một tấm chăn chờ chết làm gì có quần áo? Tôi còn giúp bà lấy nước tắm cho ông...

Cảm động quá, nước mắt ứa ra, cầm tay bà, tôi nói:

- Chuyện đã trên năm mươi năm rồi, sao bà còn nhớ được?

- Nhớ chứ! - Bà đặt nốt bàn tay còn lại lên tay tôi, nước mắt chảy dài trên gò má - cuộc đời tôi dài là vậy, nhưng đoạn đời đẹp nhất, có ý nghĩa nhất là phần tuổi trẻ ở Lũng Vài. Tôi đã để lại tuổi xuân của mình ở đấy.

Nói chuyện được một lúc thì con cháu của bà về. Tôi muốn kéo bà trở lại cuộc sống hiện tại. Tôi nhìn bà nói:

- Thôi! Tuổi trẻ là phần đẹp đẽ nhất của cuộc đời. Nhưng dù nó đẹp thì cũng là ký ức rồi - tôi nhìn bà nói to hơn - vậy các con, các cháu của bà hiện nay?...

Hiểu được ý tôi, bà nói:

- Quý hoá quá! Cám ơn ông vẫn còn nhớ đến người xa xứ mà đến thăm.

Thế rồi tôi kể cho bà nghe về Lũng Vài ngày nay như thế nào. Đến đoạn tôi kể về Tăng, về người nhà của bà, thì hình như tâm hồn bà lắng xuống. Bà hỏi Tăng có tìm lại được người mẹ của mình không? Tôi cho bà biết là tôi và Tăng đã lần theo dấu vết để đi tìm bà. Bà đã phiêu bạt sang tận Phong Thổ. Bà đã mất ở đó và chúng tôi chỉ tìm lại được người em của Tăng.

Nghe xong, bả lại kể cho tôi nghe về cuộc đời của bà. Ngày Lào Cai được giải phóng, Hoàng Văn Thừa đã bắt bà đưa sang Phong Thổ. Bà đã có con và chấp nhận cuộc sống vợ chồng. Năm 1954 Hoàng Văn Thừa đưa bà trốn vào Nam. Nhưng Hoàng Văn Thừa đã già và người Mỹ cũng không muốn dùng những người đã làm việc cho người Pháp, nên đã dồn họ vào một vùng ở Tây Nguyên này. Từ đó gia đình bà làm ăn, sinh sống ở đây. Năm 1970 thì Hoàng Văn Thừa chết.

Tôi hỏi bà:

- Hoà bình, thống nhất đất nước đã lâu rồi sao bà không trở lại thăm quê hương?

- Nhớ lắm! - Bà nhìn tôi dân dấn nước mắt nói - tôi nhớ quê hương lắm! Cũng muốn về, nhưng về thì xấu hổ quá! Chồng mình là người phản cách mạng; con mình vào đây lại đi làm giặc; còn mình thì đã phản bội lại người mình yêu dấu...

Thấy bà buồn, tôi động viên:

- Chuyện ấy là quá khứ rồi, ngoài mình không còn ai nhắc đến nữa. Với lại trường hợp của bà thì khác - bà là người có công với cách mạng - bà đã cứu được hai anh trai của mình - các ông ấy đều là cán bộ Việt Minh. Bây giờ mỗi khi nhắc lại chuyện của thời chống Pháp, bà vẫn được nêu lên như một tấm gương hy sinh dũng cảm! Vì gia đình, nhưng thực chất là vì cách mạng, bà đã hiến trọn tuổi xuân của mình...



Thấy tôi nói vậy, nước mắt bà giàn giụa. Bà nói trong nước mắt, mà khuôn mặt bà rạng rỡ nét trẻ trung. Bà quay sang nói với tôi bằng tiếng Dao:

- Thật thế chứ? Mọi người vẫn nghĩ tốt về em chứ? Anh Tắng có nghĩ về em như vậy không?

Bà gọi tôi bằng anh và xưng là em. Hai con người đã bảy mươi tuổi rồi? Vậy mà tôi thấy nó đúng với cái lý của tạo hoá quá - với người Dao, ai nhìn thấy mặt trời trước thì là anh, là chị; nhìn thấy mặt trời sau thì là em. Tôi nhìn bà, thấy thân thiết như người ruột thịt. Bà nói bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Đã trên năm mươi năm nay, bà không còn được dùng nó để nói nữa, vậy mà bà vẫn còn nhớ. Bỗng dưng tôi thấy mình trẻ lại, như đang sống ở tuổi thanh xuân... Tôi cũng gọi bà bằng em và nói với bà bằng tiếng Dao:

- Ủ! Thật chứ! Mọi người vẫn nghĩ tốt về em. Tắng vẫn nghĩ tốt về em. Bạn ấy trân trọng tình cảm của em. Với bạn ấy, em là một báu vật đã bị đánh cắp, không bao giờ có lại được nữa...

Bà nhìn tôi, những giọt nước mắt trên khuôn mặt long lanh như ngọc! Vâng! Có lẽ cả đời bà, chắc bây giờ bà mới được một lần để khóc vì sung sướng chăng? Bà nhìn tôi nhỏ nhẹ nói:

- Anh nhí? Sao ông trời cứ bắt người tốt phải khổ thế? Sao ông trời không cho con người ta thực hiện được ước mơ của mình?

Tôi không phải là một nhà hiền triết, nhưng từ chính cuộc đời mình, từ lòng mình, tôi nói với bà:

- Ông trời bắt người ta phải khổ, vì cái khổ nó mới tạo ra nhân cách của con người! Còn ước mơ? Ước mơ nó là cái cần phải có để cho con người ta sống đẹp lên. Nhưng ước mơ lại luôn lẩn tránh cuộc đời. Còn cuộc đời thì phải luôn đối mặt, phải sống với những thực tế phũ phàng. Đấy có lẽ cũng là chân lý em ạ! Thử hỏi cuộc đời này không có khổ đau, ước gì được nấy, thì còn gì là cuộc đời nữa phải không em?

- Trời ơi! - Bà nói với tôi như reo lên - em ước gì mình lại trở thành một cô gái sống ở Lũng Vài.

Thấy bà tươi tắn rạng rỡ như một người còn trẻ, tôi hỏi vui:

- Thế ngày xưa ở Tây Bắc em thích nhất điều gì? Còn bây giờ ở Tây Nguyên...?

Bà sôi nổi trả lời tôi:

- Ở Tây Bắc em thích nhất điều gì ư?... Màu trắng hoa ban! Em ước mình là hoa ban trắng; còn ở Tây Nguyên... thì... thì em già rồi... thế còn anh?

Tôi muốn lưu lại trong tôi những hình ảnh đẹp nhất về bà lúc này. Nhìn ra bầu trời Tây Nguyên lồng lộng, tôi thầm nghĩ: "Mùa xuân ở Tây Bắc, anh cũng thích nhất hoa ban trắng - màu trắng của nó làm cho người ta nhớ đến những vẻ đẹp thuần khiết của cuộc đời! Còn ở Tây Nguyên, vào mùa thu như thế này anh lại quý nhất, trân

trọng nhất hoa cúc quỳ - màu vàng của nó làm cho Tây Nguyên bừng sáng, tưởng như mặt trời sẽ không bao giờ lặn! Đó là những loài hoa có vẻ đẹp bình dị nhất của núi rừng..."

#### 4. Tìm lại quê hương

Con người ta, chắc không ai có thể thực hiện được trọn vẹn mơ ước của mình. Người ta phải tự trân trọng cái đã đạt được và vui lòng gọi nó là cái đích của ước mơ. Nếu không thì khi cái chết đến gần, họ sẽ vô cùng đau khổ. Tôi đã nghĩ như thế và tôi cho rằng tôi đã đạt được nhiều cái đích của ước mơ. Những nỗi canh cánh bên lòng, nó đeo đẳng tôi suốt cả cuộc đời, nay tôi đã có lời giải gần như trọn vẹn. Trên đường từ Nam ra Bắc, tôi chợt nghĩ đến ông Hoàng. Năm 1960, khi tôi về Hà Nội tìm lại quê nhà lên thì ông đã được điều động về một cơ quan tỉnh, rồi sau đó về trung ương công tác. Bây giờ ông đã trên tám mươi tuổi và đang nghỉ hưu tại Hà Nội. Tôi xuống Hà Nội, về nhà thờ tổ thắp nén hương và ghé thăm ông. Đến nơi, nhìn thấy tôi là ông nhận ra ngay. Ông bắt tay tôi, rồi ông ôm tôi vào lòng. Ông nói: "Quý quá! Đã gần bốn mươi năm rồi, sao cháu còn nhớ đến bác mà tới thăm?" Tối hôm ấy tôi ngủ lại với ông. Những kỷ niệm về Lũng Vài, về gia đình tôi ông vẫn nhớ. Ông kể lại, tôi nghe say sưa như đứa trẻ nghe chuyện cổ tích. Tôi kể lại cho ông nghe những nỗi canh cánh bên lòng mà tôi đã giải được. Ông khóc và bảo tôi: "Cháu là người sống có tình lắm!"... Tôi lại hỏi ông "Truyện cổ tích về Cây gạo". Ông bảo đấy chính là cuộc đời ông. Ông ôm

tôi, tâm tình như đôi bạn. Ông nói: "Bác cũng chỉ vì một chút nghĩ đến riêng mình mà đánh mất một nửa cuộc đời cháu ạ!"... Ông hỏi tôi đã tìm được quê nhà như thế nào?...

Cả đêm hôm ấy, tôi kể cho ông nghe chuyện tôi về tìm lại quê nhà.....

*Cuối tháng 8 năm 1960*

Thế là mơ ước của tôi ngày nào đã thành hiện thực. Ngày mới bị bán, tôi ước mơ mình có một con ngựa, có một ít tiền và có một người bạn để đi cùng về Hà Nội. Nay tôi đã có ngựa, có tiền và người bạn đường đi cùng tôi là Lý Văn Bọng. Ngày xưa tôi ước mình là mây, là gió để bay bay trên đỉnh núi, để bay dọc triền sông theo về Hà Nội. Bây giờ thì tôi không còn phải mơ, phải ước nữa. Tôi chưa về Hà Nội lần nào, nhưng tôi cảm thấy khoảng cách từ Lũng Vài về quê tôi không còn xa nữa. Đường từ Lũng Vài ra ga Thái Văn đã được phát quang, lại đi bằng ngựa, nên chỉ đi hơn một ngày là tới. Từ Thái Văn về Hà Nội lại đi bằng tàu hoả chỉ mất một ngày. Vậy là tôi về tìm lại quê nhà, chỉ hết hơn hai ngày. Đó là hiện thực, không còn như truyện cổ tích mà bác tôi kể ngày tôi còn bé nữa.

Thực ra thì tôi cũng đã đi tàu một lần rồi, ấy là lần tôi bị bắt cóc, đem bán lên đây. Nhưng lần ấy tôi bị đánh thuốc mê, không biết gì cả. Chính vì vậy mà tôi cũng chẳng thành thạo hơn gì Lý Văn Bọng. Nhưng tôi hơn anh ta ở chỗ tôi đã từng sống ở Hà Nội, đã đi phá đường tàu; còn Lý Văn Bọng, xa nhà lần đầu, và cũng lần đầu đặt

chân đến ga Thái Văn. Mọi thứ trên đường anh ta nhìn thấy, đều xa lạ như ở trên trời rơi xuống.

Ra đến gần ga Thái Văn, chúng tôi gửi ngựa ở nhà người quen - vì tôi thỉnh thoảng có về huyện họp, nên quen một số cán bộ ở đây. Đến ga Thái Văn, thấy đoàn tàu chạy qua, Lý Văn Bọng đứng nép vào tôi hỏi:

- Con gì mà to thế?

Tôi bảo:

- Nó là con tàu hoả đấy!

Bọng lại hỏi:

- Thế cái con tàu hoả này to thế, nó ăn một ngày hết bao nhiêu lúa gạo?

Biết trả lời với bạn thế nào, vì đây cũng là lần đầu tiên tôi tỉnh táo để đi tàu hoả. Còn đang ngẫm nghĩ, bạn lại hỏi:

- Thế cái thang dài thế này để làm gì? Để cái con tàu hoả nó trèo lên trời à?

Cứ như vậy, suốt cả chặng đường từ ga Thái Văn về đến Hà Nội, Bọng luôn mồm hỏi tôi như một đứa trẻ. Thôi thì bạn hỏi, mình phải trả lời. Tôi nghĩ ra đủ mọi điều để giải thích. Tàu về đến ga Hàng Cỏ, chúng tôi xuống tàu, hoà vào đoàn người ra ga. Tôi bị choáng ngợp bởi sự thay đổi của phố phường - nhìn cửa ga Hàng cỏ, tôi chỉ còn nhận ra một vài tĩnh vật quen biết. Bọng vẫn túm chặt áo tôi. Câu đầu tiên bạn hỏi là:

- Trời ơi! Người đông thế này, chỗ nào cũng toàn là đường với nhà, chết thì biết chôn vào đâu?

Tôi phì cười, nhưng sợ bạn tự ái, nên quay đi giả vờ ho sặc sụa. Ra khỏi cửa ga cũng đã hơn mười giờ đêm. Tôi dẫn bạn đi một đoạn lại có đường rẽ, đi đoạn nữa lại có đường rẽ đi bốn phía. Chịu, không thể nào đi được. Tôi dẫn Bọng quay lại cửa ga tìm nhà trọ. Gõ cửa nhà nào cũng không còn chờ nghỉ. Đi mãi, cuối cùng cũng tìm được một chỗ. Chủ nhà cho chúng tôi ngủ trong một cái chòi trên gác thượng. Chúng tôi nằm ra sàn ngủ. Mệt quá, chúng tôi ngủ thiếp đi. Đến khi tỉnh dậy, muỗi đã đốt vào mặt mũi, tay chân sưng vù, mẩn đỏ như cái bánh đa gác.

Chúng tôi xin chủ nhà mở cửa cho ra, nhưng còn sớm quá, chủ nhà không dậy. Nì nèo mãi đòi ra ga còn mua vé, chủ nhà mới cho ra. Trời lờ mờ ánh điện và sương đêm, chúng tôi không biết là đã sáng hay chưa. Đến khi có tiếng chuông tàu điện leng keng trước cửa ga, tôi nghĩ là đã 5 giờ sáng.

Nghe chuông tàu điện, tôi thấy rạo rục trong người - tưởng như mới ngày nào đây thôi, chúng tôi còn trèo lên tàu điện ra các cửa ô. Ra đến Cửa Nam, thì tôi bắt đầu nhận ra những đường phố quen thuộc. Không kìm được nữa, tàu vừa dừng bánh, tôi kéo Bọng xuống tàu đi bộ. Tôi và Bọng về phía chợ Hàng Da. Điểm đầu tiên tôi tìm đến là gốc cây, nơi tôi bị phả thuốc mê vào mặt. Tôi đã nhận ra, một cảm giác cay cay trong sống mũi, tự nhiên tôi nấc lên. Lý Văn Bọng nhìn tôi hỏi:

- Mà sao thế? Sắp về đến nhà chưa?

Tôi nhìn bạn lắc đầu, cố tìm lại sự xúc động của mình. Đến phố Hàng Hòm, tôi ngược nhìn tìm nhà ông cậu - cậu tôi ở phố này, nhưng tôi không nhận ra, vì ngày xưa, biển hiệu nhà đều viết bằng tiếng Pháp, nay đã thay bằng chữ ta cả rồi. Cũng đã thấy đói, tôi rủ bạn vào quán ăn phở. Tôi giữ năm cơm nếp nướng gói bằng lá chuối ra cùng ăn, ông chủ quán thấy vậy nói:

- Trời ơi! Cả đời tôi chưa thấy cơm nào trắng, dẻo, mà hạt cơm lại to như thế này.

Tôi mời ông chủ quán một miếng. Ông ăn và cứ tám tắc khen mãi. Ra đến đầu phố, tôi thấy một thanh niên đeo băng đỏ, anh ta cứ nhìn chúng tôi trừng trừng. Sợ quá - sợ họ hiểu lầm mà bắt thì hỏng hết việc. Tôi cố trấn tĩnh đến gần nói:

- Thưa anh, chúng tôi có đủ giấy tờ mang theo đây, anh có xem không ạ?

Người thanh niên từ tốn bảo:

- Không ạ! Tôi chỉ giữ trật tự ở đoạn đường này thôi. Mời các anh đi lên vỉa hè.

Gần đến chợ Đồng Xuân, tôi muốn chạy thật nhanh về nhà. Dù tôi đã lớn, nhưng nhất định tôi sẽ ôm chầm lấy mẹ tôi. Tôi sẽ gào lên: "Mẹ ơi! Con đây - thằng Thành của mẹ đây; anh Hồng, anh Tú, chị Thư ơi! Em đây!..." Mọi người thế nào cũng xúm vào sờ nắn tôi. Nhất định tôi sẽ ôm từng người một, như ôm một báu vật.

Món quà vợ tôi bảo tôi đem về cho mẹ tôi là một gói mọc nhĩ. Cô ấy đã nhặt được từ mấy tháng nay. Còn tôi, tôi tặng bố mẹ tôi một cái mật gấu và mấy cái dạ dày nhím. Nhưng, những thứ đó giờ đây với tôi không còn là quan trọng nữa. Món quà quý nhất cho mẹ tôi là thằng Thành bằng xương, bằng thịt, do mẹ tôi dứt ruột đẻ ra đã về, đang nằm trong vòng tay mẹ.

Tôi nhận ra đúng dãy nhà của nhà tôi ngày xưa - số nhà 28; nhà bác tôi là số 32. Tôi hồi hộp ngó vào số nhà 28. Giờ này chắc mẹ tôi đã dậy dọn hàng. Nhưng tôi sững lại, người run lên - trong nhà toàn là người lạ. Ngó vào số nhà 32 cũng không nhìn thấy ai là người quen. Tôi ngẩn người, choáng váng - chẳng nhẽ ông Hoàng nói đúng? - Gia đình tôi đã theo giặc chạy vào Nam rồi chẳng? Bố tôi là thầy phán thì có thể như thế được, còn bác tôi là giáo học, là người tốt - tốt lắm! Không thể như thế được. Ngày tôi ở nhà, bác tôi đã là hội viên Hội Truyền bá Quốc ngữ, được dân phố kính trọng lắm - từ trẻ đến già đều gọi bác tôi là ông giáo Tấn.

Để khỏi đường đột, tôi vào một nhà bên cạnh, thấy một bà khoảng sáu mươi tuổi, tôi hỏi:

- Chào bà ạ! Thưa bà, bà ở đây vậy bà có biết nhà số 28 kia có ông phán Tân, có vợ bán hàng, có các con tên là Hồng, Tú, Thư ở đấy không ạ?

Bà ta nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi ngẩn người bảo:

- Tôi mới về đây được mấy năm, không biết được đâu. Các anh đi hỏi người khác xem.



- Vậy xin hỏi bà, bà cho tôi biết ở đây có ai nắm được từng hộ không ạ?

- Các ông sang nhà số 41 kia, đấy là nhà bà tổ trưởng.

Chúng tôi cảm ơn, rồi đi sang nhà số 41. Đến nơi, thấy một bà trạc tuổi năm mươi, tôi lại lễ phép thưa:

- Thưa bà! Bà cho tôi hỏi: Tôi có người nhà ở phố này - nhà số 28, tên là: Hồng, Tú, Thu (*tôi không dám nói tên bố tôi, vì ông là thầy phán, sợ có làm việc cho Pháp, thì sẽ gây ra ác cảm*).

Bà tổ trưởng hết nhìn tôi rồi lại nhìn Bọng, thấy mũi bà khìn khịt, mặt nhăn lại. Tôi rất hiểu cái khịt mũi và nhăn mặt của bà - vì ngày tôi mới bị bán, ngồi gần người Mán tôi cũng đã từng phải như thế. Việc đó không có gì là xấu cả, đấy là mùi áo chàm ngấm mồ hôi, lại dính nước mưa, người mặc nó thì không ngửi thấy, nhưng người ngoài lại rất khó chịu. Tôi liếc nhìn Bọng, thấy nó rất bức - có lẽ nó cho rằng người Hà Nội khinh người miền núi. Biết vậy, sợ Bọng phản ứng không tốt, sẽ không có lợi cho tôi, nên tôi khẽ giặt áo Bọng và đứng yên chờ đợi. Bà tổ trưởng nói:

- Các anh là người dân tộc gì?

Tôi trả lời:

- Dạ! Người Mán ạ!

Bà tổ trưởng vẻ khó hiểu hỏi lại:

- Người Mán?... Người Mán làm sao lại có người nhà ở đây được?

Tôi giải thích ngắn gọn cho bà ta biết, rằng trước năm bốn năm tôi là người ở đây... Bà nói là cũng mới về đây nên không biết. Tôi đứng ngẩn người nhìn về số nhà 28. Đúng là nhà tôi rồi, sao bây giờ nó xa lạ thế? Tôi chăm chăm nhìn dọc theo dãy phố, cố hình dung xem có còn một gương mặt thân quen nào ở đây nữa không. Bỗng dưng hai hàng nước mắt tôi ứa ra. Bọng thấy vậy bảo:

- Bao nhiêu năm rồi, còn hỏi thăm làm gì nữa? Không ai còn biết mày nữa đâu.

Tôi biết, Bọng nói thật bụng nên không giận. Tôi thờ dãi và nói để Bọng yên lòng:

- Ủ! Cứ hỏi thêm vài người nữa đã. Không thấy thì ra chợ mua mỗi người một cái yên ngựa, tối ra tàu ngược luôn.

Chúng tôi vẫn đứng tần ngần trước cửa nhà bà tổ trưởng, lúc sau bà ra bán hàng. Tôi lại từ tốn:

- Dạ! Thưa bà! Bà làm ơn, làm phúc cho tôi hỏi một lần nữa: Bà có biết ở dãy phố này, có ai sống ở đây từ trước năm bốn năm không ạ?

- Ông sang nhà số 12 kia - bà vừa nói, vừa giơ tay chỉ - có một ông già đầu tóc bạc phơ, vẫn sống ở đây từ trước.

Tôi vội vã kéo Bọng đi ngay. Đến nơi, thấy một cụ già khoảng bảy, tám mươi tuổi, tôi hỏi:

- Dạ! Cháu chào cụ ạ! Cụ cho cháu hỏi thăm: Cụ ở đây lâu năm, cụ có biết ở số nhà 28 kia, có những người có tên là Hồng, Tú, Thư còn sống ở đấy không ạ?

Cũng giống như bà tổ trưởng, cụ già lại khịt mũi, nhăn mặt. Tôi lại lễ phép:

- Dạ! Thưa cụ, chúng cháu đi lâu ngày, nóng quá lại gặp mưa, nên mới hôi thế thôi ạ. Vậy cụ cố nhớ lại xem, cụ có biết một người nào trong số đó không ạ?

- Có! Ở đây trước có anh Hồng, nay chuyển lên Hàng Đồng rồi .

- Dạ!... - Tôi ngây người hỏi lại - nhà cháu là nhà số 28; là nhà do bố mẹ cháu tậu được, chứ không phải là người đi thuê nhà, nay đây mai đó đâu ạ.

- Thế thì tôi không biết - cụ già lắc đầu nói - ở phố này sau năm bốn năm đến nay, không có ai tên như thế.

Tôi bảỉ hoải cả chân tay, cố lê bước ra đến hè đường, ngồi khuy xuống. Bọng lại gằn nói:

- Thôi! Đừng buồn nữa mà! Thôi! Đã lâu lắm rồi, không ai biết nữa đâu, đừng hỏi thăm nữa.

Tôi uể oải đứng dậy, cùng lúc ấy, một bà già ở nhà trong bước ra. Bà cũng chạc tuổi ông cụ chủ nhà - tôi đoán chắc là vợ ông ta. Bà đi vội ra chỗ tôi rồi nói:

- Mời hai anh vào nhà.

Tôi nhìn bà, kéo áo lau hai hàng nước mắt. Tôi khóc vì tôi không tìm thấy người nhà, và vì tủi thân quá - tôi là người sinh ra ở đây, vậy mà bây giờ đã thành người xa lạ.

Vào nhà, cụ chỉ ghé cho chúng tôi ngồi, rồi rót cho chúng tôi mỗi người một chén nước. Cụ hỏi:

- Anh nói, có người nhà ở nhà số 28, vậy tên những người ở nhà ấy là gì ?

- Dạ! Cháu thưa cụ, đấy là nhà cháu ạ! Bố cháu trước đây dân phố hay gọi là thầy phán Tân ạ. Bác cháu là Nguyễn Văn Tấn - thường gọi là ông giáo Tấn ạ.

Bà nhìn tôi khẽ thở dài. Tôi nóng ruột quá - chắc nhà tôi đã có biến cố gì chăng? Bà rót nước tiếp cho chúng tôi, rồi hỏi:

- Anh là người Mán, sao lại có người nhà ở đây?

Tôi nhìn cụ như van xin nói:

- Dạ! Cháu thưa cụ, chuyện của cháu dài lắm ạ! Cháu lay cụ, xin cụ cho cháu biết ngay đi ạ. Nhà cháu, nhà bác Tấn cháu còn ai không ạ?

Vừa nói, tôi vừa quỳ xuống chắp tay vái cụ già. Cụ già chớp chớp mắt, đỡ tôi đứng dậy. Cụ cầm tay tôi nói:

- Chuyện này cũng dài lắm!... Nhà ông phán Tân thì không còn ai, nhưng nhà ông giáo Tấn thì còn có người, vẫn ở nhà số 32. Thôi, anh về nhà ngay đi!

Nghe cụ già nói, tôi thấy đầu choáng váng, nghẹn nghẹn trong lồng ngực, chỉ muốn òa khóc. Tôi cố trấn tĩnh, cảm ơn cụ, rồi chạy về nhà số 32. Về đến nơi, tôi thấy một người phụ nữ cũng trạc tuổi tôi, tay xách làn đi chợ về. Tôi nhận ra ngay, đấy là cô Lan - em con ông cậu. Tôi đứng yên

nhìn cô Lan, để xem cô có nhận ra tôi không. Thấy người lạ, lại là người dân tộc thiểu số, đứng chặn ngay trước cửa, cô Lan có ý bực bội, đứng lại nhìn tôi. Tôi cũng nhìn cô chằm chằm. Thuở nhỏ tôi và cô vẫn thường chơi với nhau, tôi là anh nên hay bắt nạt. Mỗi khi Lan khóc, mẹ tôi lại bắt tôi chống hông lên cho Lan đấm. Những lúc ấy tôi lại giả vờ khóc toáng lên, Lan lấy tay dụi mắt cười khanh khách. Bỗng chiếc làn mây trên tay Lan rơi bịch xuống đất. Lan ôm chầm lấy tôi, kêu lên:

- Chị Thanh ơi!... Anh Thành đây này!...

Vào nhà, cô Lan cứ ôm lấy tôi khóc mãi không thôi. Nước mắt tôi cũng chảy hoài, không nói được lên lời. Trong nhà có một chị cỡ năm mươi tuổi - Lan gọi là chị Thanh. Tôi hơi ngỡ ngàng, vì tôi không thể nhận ra chị là ai. Chị tự giới thiệu:

- Chị là Thanh - vợ anh Bảo (anh Bảo là con cả của bác tôi). Lúc chị về làm dâu nhà này, thì đã nghe tin chú không còn nữa. Tôi được nghe kể lại: Chú mất được mấy ngày, nghe đồn có một đứa trẻ chết đuối ở hồ Tây. Người nhà đến nơi, thấy xác đã thối rữa, không nhận ra được. Mọi người tin là chú đã chết, nên không đi tìm nữa.

Cô Lan cầm tay tôi sờ sờ, nắn nắn. Nước mắt cô vẫn chảy ròng ròng trên má. Cô hỏi:

- Thế làm sao mà anh lại bỏ nhà đi? Anh đi theo ai? Đi đến tận đâu, mà bây giờ mới về?

Tôi nhìn cô Lan và chị Thanh, lắc đầu:

- Không phải thế đâu! Chuyện dài lắm - thế hai bác và các anh đi đâu cả? Thế bố mẹ, các anh, các chị của tôi đâu?

Thấy tôi hỏi vậy, hai người đàn bà ôm ghì lấy tôi, người nào cũng nấc lên, nước mắt giàn giụa. Tôi không hiểu sự thế ra sao cả, nhưng linh tính báo cho tôi là: Đã có sự chẳng lành với những người thân của tôi. Xúc động quá, tôi cũng khóc chết lặng đi trong tay họ.

Khi sự xúc động trong hai người đàn bà nguôi đi, họ ngồi ra lau nước mắt. Tôi cũng trấn tĩnh lại. Chị Thanh và cô Lan kéo tôi vào từ đường thấp hương. Vừa khóc, chị Thanh và cô Lan vừa hờ gọi bố mẹ tôi và các anh các chị tôi. Cô Lan gục vào chỗ đặt ảnh của bố mẹ tôi khóc:

- Hai bác ơi! Anh Hồng, anh Tú, chị Thư ơi! Anh Thành vẫn còn sống. Anh Thành về thấp hương cho hai bác, cho các anh, các chị đây này... Tổ tiên ơi! Hai bác ơi! Các anh, các chị ơi! Mọi người có linh thiêng thì về chứng giám cho giờ phút đoàn tụ này!...

Vào từ đường tôi không còn sợ như ngày còn bé nữa, nhưng tôi cảm thấy lạnh lẽo, cô đơn quá. Tôi lặng đi khi nhìn lên bàn thờ: Bác tôi - Nguyễn Văn Tấn trong bằng Tổ quốc ghi công ghi: Là nhân sỹ yêu nước, đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến của dân tộc. Bố mẹ tôi và chị Thư tôi, chỉ còn là những tấm ảnh đã nhòe. Tôi sờ vào từng tấm ảnh, tôi ôm ảnh mẹ tôi vào ngực. Cô Lan nói nhỏ:

- Hai bác và chị Thư bị bệnh ho lao, không có thuốc chữa, mất năm bốn năm.

Khói hương bốc lên nghi ngút, lan toả trong từ đường. Mắt tôi nhoà đi, mờ mờ một màu trắng đục. Tôi đặt ảnh mẹ tôi lên giá thờ. Cạnh khung ảnh của bố mẹ tôi là hai bằng Tổ quốc ghi công. Chị Thanh trầm giọng xuống, diễn giải cho tôi:

- Chú Hồng đã hy sinh ở chợ Đồng Xuân - chú là đội viên cảm tử quân của Trung đoàn bảo vệ Thủ đô. Chú Tú đã hy sinh trong trận tấn công vào đồn Pháp ở Sơn Tây. Buồn lắm, thương lắm chú ơi!...

Nói xong, chị Thanh và cô Lan lại ôm mặt khóc hu hu...

Ngày hôm sau, chị Thanh nói với tôi.

- Chuyện chú bị lưu lạc thì đã rõ rồi, bây giờ phải bàn mà lo việc gia đình. Gia đình chú không còn ai, chị đã đứng ra nhận quyền thừa kế, để thờ cúng cho chú thím và các em. Năm 1955 chị đã hiến ngôi nhà của chú cho nhà nước rồi. Bây giờ chú đã về, thì phải làm đơn xin nhà nước trả lại, rồi đưa vợ con về đây mà ở.

Tôi thấy như mình có lỗi với chị Thanh - vì tôi chưa hỏi thăm gia cảnh của chị. Tôi nhìn chị như nhận lỗi, nói:

- Thưa chị, em có lỗi với chị quá - mãi nói chuyện nhà, em quên không hỏi thăm gia đình chị. Vậy bác gái, anh Bảo và... các anh, các chị ?...

Thấy tôi hỏi vậy, chị Thanh lại oà lên nức nở. Tôi không hỏi nữa. Cô Lan nói chen vào:

- Chuyện này dài lắm, không nói một lúc được đâu!

Mấy ngày sau, mọi việc đã bình tĩnh trở lại, tôi mới biết, thực ra có khi chị Thanh còn khổ hơn tôi. Chuyện cũ, nó xa lắm rồi, tôi đau buồn quá, nhưng dù sao thì nó cũng là chuyện đã qua. Bây giờ, tôi đã có một gia đình riêng đầm ấm. Tôi nghĩ, đó là cái quan trọng nhất với một đời người. Mất nó, người ta sẽ trở thành cô đơn hiu quạnh. Còn nhà bác tôi: Bác gái già yếu đã mất; các anh, các chị, mỗi người một nơi, người nào phận ấy; anh Bảo lấy chị Thanh, được ba mặt con, thì anh được đi sang Pháp học, rồi lấy vợ Pháp và ở luôn bên ấy không về nữa. Thật là trở trêu, chị vừa phải nuôi con, vừa phải thờ cúng tổ tiên thay cho người chồng phụ bạc.

Tôi cùng Bọng đi mua yên ngựa, rồi đưa nó ra tàu về trước. Tôi làm đơn lên chính quyền, có xác nhận của gia tộc để xin lại ngôi nhà. Người tiếp tôi yêu cầu phải có xác nhận của những người sống cùng thời và biết tôi. Ở phố tôi ngày xưa, một số người đã đi Nam, một số người đã chuyển đi nơi khác, nay chỉ còn lại có ba người. Nghe tôi kể, có hai người ký chứng nhận luôn, còn một người chưa ký. Bà này hơn tôi khoảng mười tuổi. Bà nói:

- Chữ ký của tôi thì cũng không quan trọng gì, nhưng đã ký là phải ký đúng. Ký sai thì tôi không ký được. Cậu Thành ngày còn bé, thì tôi biết. Bây giờ trông cậu này khác lắm, tôi không nhận ra. Vậy cậu có nhận ra tôi không?



Thấy chị ta nói vậy, tôi cũng không dám trách, nhưng trong bụng thì buồn quá. Tôi nhìn chị ta, quả thực tôi cũng không nhớ ra chị là ai, vì đã gần hai mươi năm rồi còn gì. Tôi lắc đầu, nói:

- Đã lâu quá rồi, lúc đi em còn bé nên không tài nào nhớ được. Người nhà em, em nhận ra được cả. Em không phải là người giả dối đâu chị ạ!

- Trời ơi! Tôi không bảo cậu là người như thế - chị ta xua tay nói về phân trần với mọi người - nhưng vì tôi cũng không nhận ra cậu, mà cậu cũng có nhận ra tôi đâu? Tôi không dám chứng nhận cho cậu là vì như thế. Được! Cậu không nhớ ra tôi, nhưng để tôi cố nhớ lại cậu một lần nữa xem sao.

Tôi nhìn chị chờ đợi. Lúc sau chị nhìn tôi và mọi người cả quyết nói:

- Nếu cậu là con út thầy phán Tân, thì ngày bé cậu vẫn sang nhà tôi chơi, lúc đó thỉnh thoảng tôi còn bế cậu. Ở bắp đùi bên phải của cậu, có một bãi cứt ruồi lạ lắm, cả đời tôi chưa thấy ai như thế bao giờ, nên tôi nhớ mãi. Vậy cậu vén quần lên, tôi xem nào?

Tôi mừng quá, cũng chính vì cái đặc điểm này, nên tôi không bao giờ mặc quần đùi đi ra ngoài. Tôi ngượng ngùng sờ vào ống quần, quần tôi là quần Mán, ống nó rộng thùng thình, chỉ khẽ kéo là lên ngay, nhưng tôi ngại quá. Cô Lan và chị Thanh giục:

- Thì cứ vén lên đi! Có gì mà ngại đâu, người lớn cả rồi mà!

Tôi từ từ vén quần lên cho mọi người nhìn. Chị nhà bên kêu lên:

- Thôi đúng rồi! Mọi người thấy chưa? Trí nhớ của tôi cũng tốt đấy chứ? Đơn đâu? Đưa đây, tôi ký xác nhận cho!

Tôi đưa đơn lên quận nộp. Họ nhận đơn và bảo chờ, khi nào có giấy gọi thì về giải quyết. Xong việc, tôi về Lũng Vài xin phép bố mẹ nuôi, đưa vợ con về Hà Nội. Bố mẹ nuôi tôi khóc lóc thảm thiết quá - vì ông bà sợ mất con, mất cháu. Tôi giả thích rằng: Tôi chỉ đưa vợ và một đứa con đi theo thôi, còn bốn đứa tôi vẫn để lại Lũng Vài, nên ông bà cũng đồng ý.

Vợ tôi là người Mán, sống ở miền núi quen rồi, nay về Hà Nội chỉ sống trong một căn phòng chật hẹp, có tám chín mét vuông, thì không sao chịu nổi. Người miền núi mà về sống ở Hà Nội, thì có khác gì con thú hoang bị nhốt trong vườn thú. Nhưng nó còn có con người phục vụ, đằng này, vợ con tôi chẳng có ai phục vụ cả. Ngay cái chuyện đi đại tiện - ở miền núi, thì tiện đâu xả đấy; còn ở đây thì cực khổ vô cùng. Và lại, cái quan trọng nhất là chúng tôi chẳng biết làm gì để kiếm ra tiền mà sống. Người thân giúp đỡ nhau, cũng chỉ là giúp cho qua ngày đoạn tháng, ai giúp nhau được cả đời. Nhìn vợ con mặt mày thiếu não nằm bẹp xuống nền nhà, trước mặt, đằng sau, bên phải, bên trái, trên đầu, dưới chân đều là bê tông tường gạch - chẳng khác gì nằm trong cái bể nước. Tôi thấy quý cái không gian bao la

của núi rừng; nhìn những giọt nước tí tách chảy ra từ vòi nước, tôi thấy thêm được đầm mình trong dòng suối trong xanh; khi mồ hôi nhễ nhại hong hóng chờ một cơn gió lách qua khe cửa hẹp, tôi ước ao được phanh ngực đứng trên lèn đá đón ngọn gió trời; suốt ngày đêm phải sống trong tiếng ồn ào luôn giạt mình thấp thỏm, tôi lặng đi khi nghĩ đến thứ ngôn ngữ thì thầm êm dịu của rừng xanh... Được nửa tháng thì tôi và vợ con quay ra ốm cả. Tôi lên quận hỏi quyền thừa kế ngôi nhà, họ bảo: "Năm giảm tô, cải cách anh đã được chia đất ở Lũng Vài rồi, ở đâu cũng là đất của Nhà nước cả! Bây giờ cứ giữ nguyên như thế đã..." Tôi nghĩ, họ nói như thế cũng phải- vì ở Lũng Vài, tôi có nhiều đất lắm! - Một mảnh nương nhà tôi còn rộng hơn cả khu chợ Đồng Xuân này. Từ đó, tôi lại trở về Lũng Vài sinh sống. Cuộc sống phố phường Hà Nội ở trong tôi, mãi mãi chỉ còn là kí ức.

\* \* \*

\*

Thời gian của một vòng đời trôi đi nhanh quá, nay tôi đã là người cao tuổi. Thật hạnh phúc cho những ai thanh thản ra đi khi vòng đời khép lại. Người xưa đã nói "*Sống mỗi người một tính, chết mỗi người một bệnh*". Bệnh thương hàn tôi mắc phải từ năm 1942, biến chứng thành bệnh đường ruột mãn tính, nay có dịp lẩn lướt. Với tôi, có lẽ đây là căn bệnh của số mệnh! Dù biết là vậy, tôi vẫn đến phòng mạch của một bác sĩ đông y để khám. Nhìn cách bài trí trong phòng khách, tôi thật sự khâm phục đầu óc thẩm mỹ của ông. Ngồi trong phòng, người bệnh cảm thấy thanh

thoát nhẹ nhàng. Xung quanh tường ông treo những bức tranh thủy mặc bằng lụa. Dưới mỗi bức tranh, ông lại ghi những câu châm ngôn rất hay. Đọc xong, tôi thích nhất một câu:

*Không đau khổ lấy chi làm chất liệu?*

*Không buồn vui sao biết chuyện con người?*

Thật là những lời bình dị: Đau khổ, buồn, vui ai cũng gặp trên đường đời, vậy mà một thi sĩ, hay một bậc vĩ nhân đã viết nó lên thành chân lý. Có lẽ con người ta phải trải qua cả đau khổ, buồn, vui thì mới thành một con người theo đúng nghĩa?... Thế xác của ta mất đi, nhưng ý nghĩa của cuộc đời sẽ còn mãi với thời gian

*Viết tháng 7 năm 2002,  
hoàn thành tháng 12 năm 2004*